

Số: *28* /NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày *28* tháng 3 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua điều chỉnh và bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI BẢY (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022;

Xét Tờ trình số 28/TTr-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Nghị quyết danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 46/BC-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc báo cáo, giải trình, làm rõ một số nội dung trình tại Kỳ họp thứ hai mươi bảy (Kỳ họp chuyên đề) Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

- 15 công trình, dự án thu hồi đất với tổng diện tích 91,45 ha (chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

- 15 công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất với tổng diện tích 91,45 ha (chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

Điều 2. Thông qua điều chỉnh tên, diện tích đối với 03 công trình, dự án trên địa bàn thành phố Phổ Yên và huyện Phú Lương (chi tiết tại Phụ lục III kèm theo).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ; căn cứ pháp lý của các dự án và tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng chỉ tiêu sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2024, Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021 - 2030 và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chỉ thực hiện việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất khi đã đảm bảo đầy đủ thủ tục, quy trình và đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục rà soát quy mô, diện tích của từng dự án, đánh giá tiến độ triển khai, sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện theo tính cấp thiết của từng dự án, đảm bảo mục tiêu sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm. Sau thu hồi, yêu cầu chủ đầu tư sớm đưa vào sử dụng đất có hiệu quả. Kiên quyết xử lý các dự án chậm triển khai, vi phạm Luật Đất đai theo quy định.

Tiếp tục cải cách hành chính, nhất là cải cách các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng và đất đai. Tuân thủ đúng quy trình, quy định pháp lý trong tổ chức thực hiện thu hồi đất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ hai mươi bảy (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 28 tháng 3 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

Phụ lục I

Danh mục 15 công trình, dự án thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Nghị quyết số 28 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	TỔNG CỘNG		91,45	44,95	8,61			37,89
I	THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN		22,52	12,76	0,60			9,16
1	Khu tái định cư số 1, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	Phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	8,27	5,39				2,88
2	Khu tái định cư số 7, phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên	Phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên	4,72	1,41				3,31
3	Xây dựng nhà ở xã hội - Ngôi nhà xanh (green house)	Phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên	0,08	0,07				0,01
4	Khu tái định cư số 2, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	7,06	5,42				1,64
5	Đường dây và Trạm biến áp 110kV Sông Công 5	Phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên	0,04					0,04
		Xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên	0,08	0,04				0,04
6	Khuôn viên cây xanh dọc đường Bắc Sơn kéo dài, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên	Xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên	2,27	0,43	0,60			1,24
II	HUYỆN PHÚ BÌNH		68,93	32,19	8,01			28,73
1	Khu đô thị số 11 thị trấn Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,18	3,00				0,18
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,11	0,68				0,43
2	Khu dân cư Miền An Châu, xã Nga My, huyện Phú Bình	Xã Nga My, huyện Phú Bình	5,40	3,76				1,64
3	Khu dân cư và tái định cư Nga My	Xã Nga My, huyện Phú Bình	10,00	4,35				5,65
4	Khu dân cư xóm Diễn, xã Tân Đức, huyện Phú Bình	Xã Tân Đức, huyện Phú Bình	9,85	6,10				3,75
5	Đường nối đường Vành đai 5 với Quốc lộ 37 và đi hồ Kim Đĩnh (đoạn từ Đường Vành đai 5 với Quốc lộ 37)	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	13,00	7,31				5,69
6	Tuyến đường ĐH48 (đoạn kết nối từ ĐT269B - ĐT266B)	Xã Tân Hòa, huyện Phú Bình	2,67	0,99	0,90			0,78
		Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	2,03	0,45	0,89			0,69
		Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	3,78	0,55	1,32			1,91
7	Tuyến đường ĐH48 (đoạn kết nối từ ĐT266B - ĐT269C)	Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	2,56	1,29				1,27
		Xã Bảo Lý, huyện Phú Bình	6,05	0,97	2,50			2,58

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
8	Tổ hợp văn hóa, thể thao cây xanh Đình Cả, thị trấn Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,04	0,60	2,29			0,15
		Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	0,17	0,10			0,07	
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,79	1,61			0,18	
9	Mở rộng Nghĩa trang nhân dân Đình Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	2,76	0,43	0,11			2,22
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,54				1,54	

Phụ lục II

Danh mục 15 công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Nghị quyết số **28** /NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	TỔNG CỘNG		91,45	44,95	8,61			37,89
I	THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN		22,52	12,76	0,60			9,16
1	Khu tái định cư số 1, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	Phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	8,27	5,39				2,88
2	Khu tái định cư tổ 7, phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên	Phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên	4,72	1,41				3,31
3	Xây dựng nhà ở xã hội - Ngõ nhà xanh (green house)	Phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên	0,08	0,07				0,01
4	Khu tái định cư số 2, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	7,06	5,42				1,64
5	Đường dây và Trạm biến áp 110kV Sông Công 5	Phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên	0,04					0,04
		Xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên	0,08	0,04				0,04
6	Khuôn viên cây xanh dọc đường Bắc Sơn kéo dài, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên	Xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên	2,27	0,43	0,60			1,24
II	HUYỆN PHÚ BÌNH		68,93	32,19	8,01			28,73
1	Khu đô thị số 11 thị trấn Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,18	3,00				0,18
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,11	0,68				0,43
2	Khu dân cư Miền An Châu, xã Nga My, huyện Phú Bình	Xã Nga My, huyện Phú Bình	5,40	3,76				1,64
3	Khu dân cư và tái định cư Nga My	Xã Nga My, huyện Phú Bình	10,00	4,35				5,65
4	Khu dân cư xóm Diễn, xã Tân Đức, huyện Phú Bình	Xã Tân Đức, huyện Phú Bình	9,85	6,10				3,75
5	Đường nối đường Vành đai 5 với Quốc lộ 37 và đi hồ Kim Đĩnh (đoạn từ Đường Vành đai 5 với Quốc lộ 37)	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	13,00	7,31				5,69
6	Tuyến đường ĐH48 (đoạn kết nối từ ĐT269B - ĐT266B)	Xã Tân Hòa, huyện Phú Bình	2,67	0,99	0,90			0,78
		Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	2,03	0,45	0,89			0,69
		Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	3,78	0,55	1,32			1,91

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
7	Tuyến đường ĐH48 (đoạn kết nối từ ĐT266B - ĐT269C)	Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	2,56	1,29				1,27
		Xã Bảo Lý, huyện Phú Bình	6,05	0,97	2,50			2,58
8	Tổ hợp văn hóa, thể thao cây xanh Đình Cả, thị trấn Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,04	0,60	2,29			0,15
		Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	0,17	0,10				0,07
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,79	1,61				0,18
9	Mở rộng Nghĩa trang nhân dân Đình Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	2,76	0,43	0,11			2,22
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,54					1,54

Phụ lục III

Điều chỉnh tên, diện tích đối với 03 công trình, dự án trên địa bàn thành phố Phổ Yên và huyện Phú Lương

(Kèm theo Nghị quyết số  /NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên										Nay điều chỉnh lại như sau									
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)						STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)					
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác	Đất trồng lúa					Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		
A Nghị quyết 146/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021																			
I Thành phố Phổ Yên																			
1	Cụm công nghiệp Tân Phú 1		Phường Tân Phú, thành phố Phổ Yên	38,69	37,84				0,85	1	Cụm công nghiệp Tân Phú 1	Phường Tân Phú, thành phố Phổ Yên	41,26	40,39				0,87	
			Phường Đông Cao, thành phố Phổ Yên	35,81	29,27				6,54			Phường Đông Cao, thành phố Phổ Yên	33,24	27,98				5,26	
			TỔNG	74,50	67,11				7,39			TỔNG	74,50	68,37				6,13	
B Nghị quyết 79/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2023 và Nghị quyết 107/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024																			
I Thành phố Phổ Yên																			
1	Công viên cây xanh chuyên đề thành phố Phổ Yên (Giai đoạn 1: Hàng mục san nền)		Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	4,25	3,34				0,91	1	Công viên cây xanh chuyên đề thành phố Phổ Yên	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	4,25	3,34				0,91	
			TỔNG	4,25	3,34				0,91										
C Nghị quyết 68/NQ-HĐND ngày 06 tháng 9 năm 2024																			
I Huyện Phú Lương																			
1	Mỏ đất san lấp tại xã Phú Lý		Xã Phú Lý, huyện Phú Lương	6,01	5,82				0,19	1	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Phú Lý, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Xã Phú Lý, huyện Phú Lương	6,01	5,82				0,19	
			TỔNG	6,01	5,82				0,19										